

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: Tài chính ngân hàng/ Tài chính doanh nghiệp**

**1. Tên học phần:**

Tiếng Việt: Kế toán tài chính 2

Tiếng Anh: FINANCIAL ACCOUNTING 2

**Mã số học phần:** ĐHCQ0099

**Số tín chỉ học phần:** 3(2;1)

**Số tiết học phần:**

Lý thuyết: 30; Thực hành: 30, thí nghiệm: 0

Tự học: 90

**2. Đơn vị quản lý học phần**

2.1. Giảng viên giảng dạy:

1.ThS. Nguyễn Thị Thơm

2.ThS. Trần Thị Mây

3.ThS.Nguyễn Thanh Hằng

4.ThS.Nguyễn Thị Thúy

2.2. Bộ môn: Kế toán

2.3. Khoa: Kinh tế

**3. Điều kiện học học phần**

Học sau học phần: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

**4. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính. Đồng thời đạt được những kỹ năng cụ thể để có thể ứng dụng được kiến thức kế toán vào thực tiễn.

**4.1. Kiến thức:**

4.1.1. Có được kiến thức cơ bản và toàn diện về kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính

4.1.2. Có kiến thức tổng hợp và toàn diện, chuyên sâu và nắm chắc quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính của doanh nghiệp



4.1.3. Vận dụng được các kiến thức kế toán để giải quyết các nghiệp vụ kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính

4.1.4. Hiểu được cách thức lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1 Có các kỹ năng thực hiện chính xác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp liên quan đến các phần hành kế toán được học trong học phần

4.2.2. Có kỹ năng chuyên môn như kỹ năng nhận diện sự biến động, mối quan hệ, kiểm tra, chứng từ, sổ sách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến nội dung học phần đã được học phát sinh trong thực tế doanh nghiệp

4.2.3. Có các kỹ năng xây dựng và phân tích mối quan hệ các đối tượng kế toán phát sinh trong doanh nghiệp

4.2.4. Có kỹ năng nghiên cứu, tìm đọc, hiểu tài liệu liên quan đến nội dung học phần

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Hiểu được kiến thức nền tảng về kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính..

2. Biết vận dụng các phương pháp hạch toán để giải quyết các nghiệp vụ kinh tế cụ thể trong thực tiễn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp

3. Hình thành các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng nhận diện sự biến động, mối quan hệ, kiểm tra, chứng từ, sổ sách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến nội dung học phần đã được học phát sinh trong thực tế doanh nghiệp

4. Hình thành các kỹ năng xây dựng và phân tích các mối quan hệ các đối tượng kế toán phát sinh trong doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp

5. Có khả năng tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày những nội dung liên quan đến các đến các nội dung kế toán được học trong học phần này

6. Có khả năng làm việc trong các nhóm, để thảo luận giải quyết các vấn đề liên quan đến hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp

### 6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; báo cáo tài chính.

### 7. Cấu trúc nội dung học phần

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
Chương 5	Kế toán chi phí sản xuất và giá thành	20	10	10	4.1.1

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
	<b>sản phẩm</b>				4.1.2
5.1	Khái niệm, nhiệm vụ kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	1	1		4.2.1 4.2.2
5.2	Phân loại chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm	1	1		4.2.4 4.2.5
5.3	Phương pháp kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm	16	6	10	
	Câu hỏi và bài tập chương 5	2	2		
<b>Chương 6</b>	<b>Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	
6.1	Nhiệm vụ kế toán	1	1		
6.2	Kế toán các khoản nợ phải trả	5	2	3	
6.3	Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu	3	1	2	
	Câu hỏi và bài tập chương 6	1	1		
<b>Chương 7</b>	<b>Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>22</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	4.1.3 4.2.1
7.1	Nhiệm vụ kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	0.5	0.5		4.2.3 4.2.4
7.2	Kế toán thành phẩm, hàng hóa	4	2	2	4.2.5
7.3	Kế toán giá vốn hàng bán	0.5	0.5		
7.4	Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu	4	2	2	
7.5	Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	3	1	2	
7.6	Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính	2	1	1	
7.7	Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động khác	2	1	1	
7.8	Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh	3	1	2	
	Câu hỏi và bài tập chương 7	1	1		
	Kiểm tra giữa kỳ	2	2		
<b>Chương 8</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>	<b>8</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	
8.1	Ý nghĩa và yêu cầu báo cáo tài chính	1	1		4.1.4
8.2	Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp	5	2	3	4.2.1 4.2.3



Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
	Câu hỏi và bài tập chương 8	2		2	4.2.4 4.2.5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	

### 8. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp vận dụng làm bài tập
- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại,...
- Hướng dẫn thực hành với mẫu chứng từ thực tế của từng nội dung phần hành kế toán được học trong học phần này

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 12

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

10.1. Cách đánh giá: Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm chuyên cần	Số tiết sinh viên tham dự học/tổng số tiết quy định. Ý thức, thái độ học tập trên lớp, ý thức chuẩn bị bài, làm bài tập ... của sinh viên.	10%	Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp, không có bài kiểm tra thi không được dự thi kết thúc học phần
2	Điểm quá trình	Bài kiểm tra giữa kỳ	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Thi trắc nghiệm + Tự luận (90 phút)	60%	

10.2. Cách tính điểm:

Điểm học phần bao gồm điểm điểm chuyên cần (đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận); điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

### 11. Tài liệu học tập

#### 11.1. Tài liệu chính

### 11.1. Tài liệu chính

[1] GS.TS.NGND Ngô Thế Chi, TS Trương Thị thùy, Giáo trình “Kế toán tài chính” Học viện tài chính, NXB tài chính, 2010.

### 11.2. Tài liệu tham khảo

[2] TS. Lãnh Thị Hòa, Giáo trình “Kế toán tài chính doanh nghiệp 2”, Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2019.

[3] Bài giảng kế toán tài chính 2, Bộ môn kế toán, khoa Kinh tế, trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, 2022 (Lưu hành nội bộ)

## 12. Hướng dẫn tự học của học phần

Chương	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	SV cần chuẩn bị
5	Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	5	5	10	Tài liệu [1], [2], [3]
6	Kế toán các khoản nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu	5	5	10	Tài liệu [1], [2], [3]
7	Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh	3	2	5	Tài liệu [1], [2], [3]
8	Báo cáo tài chính	3	2	5	

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Hoàng Hùng Thắng

ThS. Đỗ Thị Mơ

ThS. Nguyễn Thị Thơm

